TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 119/2021/HSPT
Ngày: 23-4-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ U VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ U VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thanh Huyền

2. Bà Lưu Thị Thu Hường

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2021TLPT-HS, ngày 01/3/2021 đối với bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HSST, ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk.

***** *Bị cáo có kháng cáo*:

1. Họ và tên: **Nguyễn Xuân A**, sinh ngày 27 tháng 4 năm: 1993; tại: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố 7A, phường TL, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Duy B và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Bảo Quỳnh D và có 01 con Nguyễn Quỳnh Bảo Đ, sinh năm 2019.

Quá trình nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", tại Bản án hình sự phúc thẩm số 32/HSPT, ngày 02/02/2011.

Ngày 25/6/2020 bị tạm giữ, tạm giam đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phan Thụy Thu E**, sinh ngày 15 tháng 8 năm: 2000; tại: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 56/30 NTĐ, phường TN, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Phan Tuấn F và bà Ma Thùy Trường G, bị cáo chưa có chồng, bị cáo có 01 tên Phan Bảo H, sinh ngày 25/12/2020.

Ngày 05/7/2020 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân A, Nguyễn Thụy Thu E:

Luật sư Nguyễn Ngọc Bảo F –Công ty TNHH MTV H. (có mặt)

Địa chỉ: 111 TTHG, Tp. BM, tỉnh Đắk Lắk.

Luật sư Lê Xuân Anh I –Công ty TNHH MTV J. (có mặt)

Địa chỉ: 85 ĐTC, Phường TT, Tp.BM, Đắk Lắk

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Lê Đình K; Sinh năm: 1988

Trú tại: Số 34/10 NLB, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Ông Ma Thiên L; Sinh năm: 1993

Trú tại: Tổ dân phố 5, phường TN, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Ông Vũ Trọng M; Sinh năm: 1975

Trú tại: Thôn 20, xã HK, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Ông Hồ Tống Anh N; Sinh năm: 2003

Trú tại: Số 69 NĐC, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

****Người tham gia tố tụng khác***:

- Ông Nguyễn Việt P – Điều tra viên, Công an thành phố BM.

- Ông Vũ Quang Q, ông Nguyễn Văn R, ông Trần Trung S, ông Trần Trung V - Công tác tại đội điều tra Công an thành phố BM, (đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Lò Chánh U, Phạm Văn U1, Nguyễn Cảnh U2 nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 45’ ngày 25/6/2020, tại trước hẻm 99 NK, phường TL, thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BM phát hiện bắt quả tang đối với Phạm Văn U1 và Nguyễn Cảnh U2 đang có hành vi cất giấu 02 (hai) gói nylon chứa chất ma tuý đá trong túi áo khoác bên phải của U1 đang mặc. Căn cứ lời khai của Phạm Văn U1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BM tiến hành khám xét khẩn cấp căn phòng trọ B3 thuộc dãy trọ địa chỉ 99F NK, phường TL, thành phố BM của Nguyễn Xuân A và Phan Thụy Thu E đang thuê ở cùng với Lò Chánh U. Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra phát hiện, tạm giữ 07 (bảy) gói nylon chứa chất ma tuý đá trong một con heo đất bị vỡ để trên nóc tủ lạnh

(Ký hiệu M1); 01 (một) gói nylon chứa chất ma tuý đá trên nền nhà gần tủ bếp (Ký hiệu M2); 02 (hai) gói nylon chứa chất ma tuý đá trên nền nhà dưới gầm máy giặt (Ký hiệu M3). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BM tiến hành tạm giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E và Lò Chánh U để điều tra làm rõ. Tại Cơ quan điều tra A, E và U khai nhận như sau: Vào ngày 01/6/2020, A cùng Phan Thụy Thu E đến thuê và cùng sống với nhau tại phòng trọ số B3, địa chỉ: 99F NK, phường TL, thành phố BM do anh Lê Đình K (sinh năm 1988, HKTT: 34/10 NLB, phường TL, thành phố BM) làm chủ. Số tiền thuê trọ tháng đầu với giá 1.700.000 đồng, A trả 1.000.000 đồng, E trả 700.000 đồng và E là người ký hợp đồng thuê nhà với anh K. Do không có công việc làm, là người nghiện chất ma túy nên A và E nảy sinh ý định mua ma túy về phân nhỏ ra bán lại cho người nghiện kiếm lời. Qua mối quan hệ ngoài xã hội A quen và mua ma túy của một người nam giới tên K1 (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch) ở huyện CJ, tỉnh Đắk Nông về phân lẻ ra bán lại cho người khác kiếm tiền tiêu xài. Mỗi lần A mua của K1 01 "hộp 5" ma túy đá rồi phân chia ma tuý ra nhiều gói nhỏ hàn lại bán cho khách với giá từ 300.000đ đến 800.000đ. Khách mua ma túy sẽ gọi điện thoại cho A đặt số lượng ma túy rồi đến trước dãy trọ hoặc vào phòng trọ gặp A mua ma túy. Tiền bán ma túy có được thì A đưa cho E giữ một phần để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, phần còn lại thì A cầm giữ tiêu xài. Khi bán hết ma túy thì A nói E đưa tiền để mua ma túy.

Vào ngày 20/6/2020, Lò Chánh U là bạn của A cũng là người nghiện chất ma túy đến phòng trọ của A, U chơi và xin ở lại. Hàng ngày, U ở trong phòng sử dụng ma túy đá cùng với A và biết việc A, E bán ma túy nên có những lúc A bận việc hoặc đi khỏi phòng thì U phụ giúp A lấy ma túy đã được A phân chia sẵn cất trong chiếc hộp giấy hình vuông màu đen trên nóc tủ lạnh bán cho người nghiện rồi đưa tiền lại cho A. Vào sáng ngày 23/6/2020, Phạm Văn U1 đến phòng trọ của A hỏi mua ma tuý thì A nhờ U bán cho U1 một gói ma tuý đá được U cất giấu trong tủ bếp; gói ma tuý này do A đưa cho U sử dụng trước đó nhưng chưa sử dụng đến. Đến tối ngày 23/6/2020, A điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Janus, màu đen biển số 47B2 – 358.xx chở E đến huyện CJ, tỉnh Đắk Nông gặp K1 mua 01 hộp 5 ma túy đá với số tiền 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm ngàn đồng)* rồi mang về phòng trọ, chia vào nhiều gói nhỏ cất trong hộp giấy để trên nóc tủ lạnh trong phòng trọ. Đến khoảng 13 giờ 30' ngày 25/6/2020, có một người phụ nữ tên H1 (Chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến phòng trọ của A mua ma túy, A đồng ý lấy 01 (một) gói ma túy đá trong hộp giấy đưa cho U mang ra trước dãy trọ bán cho H1 với số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* rồi mang tiền vào đưa cho A.

Đến khoảng 16 giờ 30' cùng ngày, Nguyễn Cảnh U2 gọi điện thoại cho Phạm Văn U1 nhờ mua giùm 700.000đ *(Bảy trăm ngàn đồng)* ma tuý đá để sử dụng. Sau

đó, U2 điều khiển xe ô tô hiệu CHEVROLET, loại Spark màu trắng, biển số 35D – 000.yy chở U1 đi đến phòng trọ của A. Khi đến đầu hẻm, U1 xuống xe cầm theo số tiền 700.000[đ] (*Bảy trăm ngàn đồng)* của Tùng đi vào phòng trọ gặp A mua ma túy đá; lúc này, A hỏi U "*Cái hộp đen đâu anh Nghiã*" thì U lấy chiếc hộp giấy màu đen chứa ma tuý đá đang giấu dưới gầm ghế salon đưa cho A rồi A lấy ra 02 (hai) gói nylon chứa ma tuý đá bán cho U1 với số tiền 700.000 *(Bảy trăm ngàn đồng).* Sau khi bán ma tuý cho U1 xong, A đưa tiền cho E và lấy một gói ma tuý đá đổ vào "nỏ" cùng U sử dụng, các gói ma tuý đá còn lại trong hộp giấy thì A lấy ra cho vào con heo đất bị vỡ để trên nóc tủ lạnh. Khi Tuấn mang 02 gói ma túy ra đến đầu hẻm thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số 579/GĐMT – PC09, ngày 02/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,6801 gam, loại Methamphetamine (tạm giữ của Phạm Văn U1 và Nguyễn Cảnh U2).

Tại bản kết luận giám định số 580/GĐMT – PC09, ngày 02/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Phong bì M1: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 07 (bảy) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,2600 gam, loại Methamphetamine; Phong bì M2: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3038 gam, loại Methamphetamine; Phong bì M3: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,4411 gam, loại Methamphetamine (tạm giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp)

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST, ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BM, tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256; khoản 2 Điều 51; Điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A 08 (Tám) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 25/6/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256; điểm n khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của BLHS xử phạt bị cáo Phan Thụy Thu E 07

(Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý.* Xử phạt bị cáo Phan Thụy Thu E 07 (bảy) năm tù về tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là 14 (Mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án

Ngày 03/02/2021 bị cáo Phan Thụy Thu E có đơn kháng cáo với nội dung Tòa án Tp. BM tuyên bố bị cáo phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm b, khoản 2 Điều 251; điểm b, khoản 2, Điều 256 của BLHS là thiếu căn cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm theo hướng hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra lại.

Ngày 27/01/2021 bị cáo Nguyễn Xuân A có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"* và giảm nhẹ hình phạt đối với tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại điện Viện kiểm sát trình bày quan điểm như sau: Các bị cáo cho rằng quá trình điều tra bị ép cung là không có căn cứ. Bị cáo E không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị cáo có điều kiện hơn các bị cáo khác để làm đơn kiến nghị nhưng bị cáo không có ý kiến gì, các bị cáo còn lại trong suốt quá trình điều tra cũng không có khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cho tới phiên tòa sơ thẩm mới cho rằng bị ép cung và thay đổi lời khai. Bị cáo Lò Chính U tại biên bản hỏi cung ngày 11/9/2020 bút lục số 196-199 có sự tham gia của Luật sư Lê Thanh K1, Viện kiểm sát bị cáo U vẫn thừa nhận hành vi phạm tội mà không có ý kiến gì về việc bị ép cung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội: *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét mức hình phạt 08 năm tù mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố BM.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư Lê Xuân Anh I trình bày bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân A, Nguyễn Thụy Thu E như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP, ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuyên bố bị cáo A không phạm tội*: "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Đối với bị cáo E cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* là chưa đủ căn cứ, chưa thể hiện được bị cáo E giúp sức ở hành vi nào, không có chứng cứ nào chứng minh bị cáo E bán ma túy cho ai, thời gian nào. Trường hợp bị cáo E là người giữ tiền để mua ma túy thì bị cáo E chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm hoặc tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có chứ không phải tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Các bị cáo A, E cho rằng bị ép cung là có căn cứ vì tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo U2, U1 khai nhìn thấy cán bộ điều tra tháo giày đánh bị cáo E và có nghe tiếng bị cáo A la hét, kêu cứu vì bị đánh trùng khớp với lời khai của bị cáo E, A.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự việc hỏi cung bị can tại Cơ quan điều tra bắt buộc phải có ghi âm ghi hình nhưng đến ngày 27/8/2020 cán bộ điều tra mới hỏi các bị cáo có đề nghị ghi âm ghi hình hay không. Như vậy các bản cung trước ngày 27/8/2020 là không hợp pháp, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cơ quan điều tra chỉ xác định rõ 7 gói ma túy trong con heo là của bị cáo A mua về chia nhỏ bán cho những người nghiện ma túy còn 03 gói may túy không xác định rõ của ai. Bị cáo A có cung cấp số điện thoại của K1, H1 nhưng cơ quan điều tra không tiến hành truy tìm là bỏ lọt tội phạm.

Tại bản án sơ thẩm chỉ ghi chung chung bị cáo E chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần nhưng không thể hiện đó là lần nào, chứa chấp cho những ai, ở địa điểm nào, thời gian nào. Do đó chưa đủ căn cứ để áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 256 của BLHS để xét xử bị cáo E về tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo A, E hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung theo quy định.

Luật sư Nguyễn Ngọc Bảo F nhất trí như bản luận cứ của Luật sư Lê Xuân Anh I, không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo nhất trí với phần tranh luận của người bào chữa, các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận đối với các luật sư:

Về tội danh của bị cáo A, E đã được thể hiện đầy đủ, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Các luật sư đề nghị HĐXX áp dụng Nghị quyết số 02/2003/NQ – HĐTP, ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tuyên các bị cáo A, E không phạm tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"* là không có căn cứ vì Điều 256 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi 2017 đã thể hiện đầy đủ các cấu thành tội phạm. Đối với việc ghi âm ghi hình hiện nay chưa có trang thiết bị nhưng nếu các bị cáo yêu cầu thì vẫn thực hiện được. Tuy nhiên, khi lấy lời khai các bị cáo đều cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ nên đề nghị không ghi âm, ghi hình, Luật sư cho rằng quá trình điều tra vi phạm tố tụng là không có căn cứ. Đối với yêu cầu làm rõ với đối tượng tên K1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an đã có công văn trao đổi thông tin với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông để giải quyết theo thẩm quyền. Đối với người phụ nữ tên H1 là người mua ma túy của Nguyễn Xuân A đến nay vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau. Về yêu cầu làm rõ 02 gói nylon chứa chất ma tuý đá trên nền nhà dưới gầm máy giặt thì đây là tang vật của vụ án bị thu giữ tại nhà trọ của A và E khi khám xét. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến gì về 02 gói chứa ma túy và đều không có chứng cứ chứng minh là của người khác. Do đó, các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E đều thừa nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo A chỉ thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy còn các hành vi khác bị cáo không thừa nhận. Bị cáo E không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy cũng như chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E kháng cáo kêu oan và cho rằng trong quá trình điều tra các bị cáo bị ép cung.

HĐXX xét thấy, các bị cáo cho rằng mình bị đánh đập, ép cung nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Tại các biên bản hỏi cung các bị cáo đều ghi phía dưới đã đọc lại và cam đoan nội dung khai là đúng. Cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ là biên bản bàn giao người bị tạm giữ giữa Cơ quan điều tra và Nhà tạm giữ không thể hiện dấu vết gì trên cơ thể các bị cáo thể hiện việc bị đánh đập.

Tại Công văn số 19/CV-QLTG-TG, ngày 21/01/2021 của nhà tạm giữ đã xác nhận không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các bị cáo về việc bị đánh đập, ép cung. Trong suốt quá trình điều tra bị cáo E được tại ngoại nhưng không có ý kiến, đơn thư khiếu nại nào về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm đã triệu tập điều tra viên để đối chất nhưng không có căn cứ về việc điều tra viên ép cung, nhục hình.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án các bị cáo đều thừa nhận bị cáo A là người trực tiếp đi mua ma túy về chia ra các gói nhỏ để bán cho các con nghiện (bị cáo E có đi cùng với A mua ma túy của K1 vào ngày 23/6/2020 và E biết việc A gặp K1 để mua ma túy), bị cáo E được phân công giữ tiền bán ma túy và khi A mua ma túy thì nói E đưa tiền cho A. Bản thân E cũng khai tại cơ quan điều tra trong quá trình chung sống với A E biết A sử dụng ma túy đá và bán ma túy cho người khác. Tại bản khai ngày 25/6/2020 bị cáo E khai tiền bán ma túy một ngày khoảng một triệu đồng, tại phần cuối của bản khai bị cáo lại tự tay viết đính chính với nội dung *"tiền bán ma túy một ngày không đến một triệu, chỉ khoảng 300.000đ"* (bút lục 217). Như vậy, tại cơ quan điều tra bị cáo cũng đã thừa nhận có hành vi mua bán ma túy ngay tại phòng trọ của mình nhưng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm bị cáo E cho rằng không biết việc A và U đã bán ma túy tại phòng trọ của mình là không có căn cứ.

Về hành vi chứa chấp việc sử dụng tái phép chất ma túy, xét lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có đủ căn cứ xác định bị cáo A và U đã sử dụng đã sử dụng ma túy tại phòng trọ của A và E nhiều lần (bị cáo E có biết), lần gần nhất là chiều 25/6/2020 sau khi bán ma túy cho U1 thì A đưa tiền cho E giữ và lấy ma túy cho vào "nỏ" và cùng U sử dụng. Bị cáo E là người ký hợp đồng thuê nhà với anh Lê Đình K nhưng lại kháng cáo cho rằng A cùng E trả tiền thuê nhà nên nhà thuộc quyền quản lý của A, bị cáo A cho người khác sử dụng ma túy thì trách nhiệm thuộc về A là không có cơ sở.

Trong vụ án có bị cáo Lò Chánh U là giúp sức cho A và E trong việc bán ma túy cho các con nghiện đồng thời cũng là người sử dụng ma túy tại phòng trọ của bị cáo E và A. Tại bút lục 187, 189 U khai E biết và thấy A, U sử dụng ma túy. Lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và phù hợp với các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Tòa án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm b, khoản 2 Điều 251; điểm b, khoản 2, Điều 256 của BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ để điều tra bổ sung của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Xét mức hình phạt 08 (tám) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* đối với Nguyễn Xuân A là thỏa đáng, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Xuân A.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E - giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố BM.

[4] Về án phí:

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E - giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 17/2021/HSST, ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BM.

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256; khoản 2 Điều 51; Điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A 08 (tám) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Xuân A phải chấp hành chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 25/6/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256; điểm n khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thụy Thu E 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý.* Xử phạt bị cáo Phan Thụy Thu E 07 (bảy) năm tù về tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Thụy Thu E phải chấp hành chung cho cả hai tội là 14 (Mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án

[3] Về án án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Xuân A, Phan Thụy Thu E mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. BM;
- VKSND Tp. BM;
- Công an Tp. BM;
- Chi cục THADS Tp. BM;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Thuấn